

DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ

Hiệu lực từ ngày 18 tháng 09 năm 2023

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	35	35	-	35	35	-	16,000
2	ACB	HOSE	Ngân hàng TMCP Á Châu	50	50	-	50	50	-	-
3	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	30	-	30	30	-	15,000
4	ACG	HOSE	Công ty cổ phần Gỗ An Cường	40	40	-	40	40	-	50,000
5	ACL	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	20	20	-	20	20	-	20,000
6	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	20	20	-	20	20	-	18,900
7	AGG	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	20	30	10	20	30	10	-
8	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	40	40	-	40	40	-	18,000
9	AMV	HNX	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	20	20	-	20	20	-	10,000
10	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	30	30	-	30	30	-	52,000
11	ASM	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	30	30	-	30	30	-	20,000
12	BAF	HOSE	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	20	20	-	20	20	-	30,000
13	BCC	HNX	CTCP Xi măng Bim Sơn	20	-	(20)	20	-	(20)	-
14	BCG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	30	30	-	30	30	-	15,000
15	BCM	HOSE	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
16	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	30	30	-	30	30	-	30,000
17	BHN	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	-	20	20	-	20	20	-
18	BIC	HOSE	Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20	20	-	20	20	-	39,900
19	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
20	BMI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	50	50	-	50	50	-	38,700
21	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50	50	-	50	50	-	126,500
22	BNA	HNX	Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc	20	20	-	20	20	-	20,000
23	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	30	30	-	30	30	-	40,000



STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
24	BTP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	30	30	-	30	30	-	-
25	BTW	HNX	CTCP Cấp nước Bến Thành	-	20	20	-	20	20	-
26	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	50	-	50	50	-	-
27	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30	30	-	30	30	-	30,000
28	BWE	HOSE	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	50	50	-	50	50	-	70,500
29	C32	HOSE	Công ty Cổ phần CIC39	30	30	-	30	30	-	39,000
30	CCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	30	-	30	30	-	12,000
31	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	20	20	-	20	20	-	20,000
32	CDN	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	30	30	-	30	30	-	-
33	CEO	HNX	CTCP Tập đoàn C.E.O	20	30	10	20	30	10	-
34	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	40	40	-	40	40	-	-
35	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	40	40	-	40	40	-	-
36	CKG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	40	-	(40)	40	-	(40)	-
37	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	40	40	-	40	40	-	67,600
38	CLH	HNX	CTCP Xi măng La Hiên VVMI	-	20	20	-	20	20	-
39	CLL	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	35	35	-	35	35	-	50,000
40	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	30	30	-	30	30	-	-
41	CMX	HOSE	Công ty Cổ phần Camimex Group	30	30	-	30	30	-	16,000
42	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	50	-	50	50	-	79,400
43	CSC	HNX	CTCP Tập đoàn COTANA	20	-	(20)	20	-	(20)	-
44	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	20	20	-	20	20	-	20,000
45	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	50	50	-	50	50	-	-
46	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS	50	50	-	50	50	-	100,000
47	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	20	20	-	20	20	-	37,500
48	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
49	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	20	20	-	20	20	-	-
50	CTR	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	50	-	50	50	-	100,000
51	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	30	30	-	30	30	-	35,000
52	CVT	HOSE	Công ty Cổ phần CMC	20	20	-	20	20	-	40,000
53	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	20	20	-	20	20	-	33,000
54	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	50	50	-	50	50	-	35,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
55	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	50	-	50	50	-	80,000
56	DCL	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	20	20	-	20	20	-	-
57	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	50	-	50	50	-	-
58	DGC	HOSE	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	50	50	-	50	50	-	-
59	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50	50	-	50	50	-	70,000
60	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	50	50	-	50	50	-	62,600
61	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre	50	50	-	50	50	-	-
62	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50	50	-	50	50	-	150,000
63	DHT	HNX	CTCP Dược phẩm Hà Tây	40	40	-	40	40	-	70,000
64	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	40	50	10	40	50	10	35,000
65	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	30	30	-	30	30	-	85,000
66	DNP	HNX	Công ty cổ phần DNP Holding	25	25	-	25	25	-	18,000
67	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	20	20	-	20	20	-	100,000
68	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	50	50	-	50	50	-	-
69	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
70	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50	50	-	50	50	-	-
71	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50	50	-	50	50	-	-
72	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	40	40	-	40	40	-	70,000
73	DTD	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	20	20	-	20	20	-	30,000
74	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	30	30	-	30	30	-	60,000
75	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	50	50	-	50	50	-	-
76	DXP	HNX	CTCP Cảng Đoạn Xá	40	40	-	40	40	-	20,000
77	DXS	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	20	-	(20)	20	-	(20)	-
78	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
79	EID	HNX	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	20	20	-	20	20	-	30,000
80	ELC	HOSE	Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom	20	20	-	20	20	-	24,000
81	EVE	HOSE	Công ty Cổ phần Everpia	30	30	-	30	30	-	-
82	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	20	20	-	20	20	-	18,500
83	EVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	20	-	(20)	20	-	(20)	-
84	FCN	HOSE	Công ty Cổ phần FECON	20	20	-	20	20	-	17,000
85	FIR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	20	20	-	20	20	-	26,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
86	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	50	-	50	50	-	83,200
87	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50	50	-	50	50	-	-
88	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	-	(50)	50	-	(50)	-
89	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	50	-	50	50	-	-
90	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
91	GDT	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	40	40	-	40	40	-	50,000
92	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	30	30	-	30	30	-	-
93	GEX	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	50	50	-	50	50	-	-
94	GIL	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	30	-	(30)	30	-	(30)	-
95	GKM	HNX	CTCP Khang Minh Group	20	20	-	20	20	-	15,000
96	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần GEMADEPT	50	50	-	50	50	-	-
97	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	40	40	-	40	40	-	-
98	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần	50	50	-	50	50	-	25,000
99	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	50	-	50	50	-	-
100	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	50	-	50	50	-	40,000
101	HCD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	20	20	-	20	20	-	10,000
102	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
103	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
104	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	40	40	-	40	40	-	-
105	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	50	-	50	50	-	-
106	HHP	HOSE	CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	20	20	-	20	20	-	14,000
107	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	20	20	-	20	20	-	12,000
108	HHV	HOSE	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	40	40	-	40	40	-	-
109	HJS	HNX	CTCP Thủy điện Nậm Mu	20	20	-	20	20	-	21,700
110	HMC	HOSE	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	20	20	-	20	20	-	15,000
111	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	50	-	50	50	-	-
112	HQC	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	20	20	-	20	20	-	10,000
113	HT1	HOSE	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	50	-	(50)	50	-	(50)	-
114	HTN	HOSE	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	20	20	-	20	20	-	16,600
115	HUB	HOSE	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	20	20	-	20	20	-	34,100
116	HUT	HNX	CTCP Tasco	30	40	10	30	40	10	35,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
117	HVH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	20	20	-	20	20	-	10,300
118	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	20	40	20	20	40	20	-
119	ICT	HOSE	CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện	20	20	-	20	20	-	20,000
120	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
121	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	20	20	-	20	20	-	23,700
122	IDJ	HNX	CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam	30	-	(30)	30	-	(30)	-
123	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	30	-	30	30	-	49,100
124	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	40	40	-	40	40	-	21,600
125	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	35	35	-	35	35	-	-
126	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	50	50	-	50	50	-	74,400
127	INN	HNX	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	40	40	-	40	40	-	70,000
128	IPA	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	20	20	-	20	20	-	-
129	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà	30	40	10	30	40	10	-
130	ITD	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	20	20	-	20	20	-	18,000
131	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
132	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	50	50	-	50	50	-	60,000
133	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	50	-	50	50	-	-
134	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	-	20	20	-	20	20	10,000
135	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	50	-	50	50	-	-
136	L14	HNX	CTCP Licogi 14	20	20	-	20	20	-	60,000
137	L18	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18	20	20	-	20	20	-	30,000
138	LAS	HNX	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	20	20	-	20	20	-	17,800
139	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	20	20	-	20	20	-	76,800
140	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LIZEN	40	40	-	40	40	-	15,000
141	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	30	30	-	30	30	-	80,000
142	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	-	40	40	-	40	40	-
143	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	40	40	-	40	40	-	-
144	LPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	50	50	-	50	50	-	-
145	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	40	40	-	40	40	-	15,000
146	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	50	50	-	50	50	-	-
147	MBG	HNX	CTCP Tập Đoàn MBG	20	20	-	20	20	-	12,000

C
TY
IN
OAN
NG
CHI

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
148	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	50	50	-	50	50	-	-
149	MIG	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm Quân Đội	50	50	-	50	50	-	30,000
150	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50	50	-	50	50	-	25,000
151	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	50	50	-	50	50	-	-
152	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	50	50	-	50	50	-	-
153	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50	50	-	50	50	-	-
154	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	30	30	-	30	30	-	-
155	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	20,000
156	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	40	40	-	40	40	-	120,000
157	NET	HNX	Công ty Cổ Phần Bột Giặt NET	20	20	-	20	20	-	80,000
158	NHH	HOSE	CTCP Nhựa Hà Nội	30	30	-	30	30	-	-
159	NHT	HOSE	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	20	20	-	20	20	-	20,000
160	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	50	-	50	50	-	-
161	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	20	20	-	20	20	-	15,000
162	NSC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
163	NT2	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50	50	-	50	50	-	-
164	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	50	50	-	50	50	-	21,600
165	NTP	HNX	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong	50	50	-	50	50	-	-
166	NVB	HNX	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	30	40	10	30	40	10	16,000
167	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	50	50	-	50	50	-	24,400
168	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	40	40	-	40	40	-	30,000
169	ORS	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán Tiên Phong	30	50	20	30	50	20	20,000
170	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy miền Nam	50	50	-	50	50	-	57,400
171	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	50	50	-	50	50	-	-
172	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	50	50	-	50	50	-	35,000
173	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	30	40	10	30	40	10	25,000
174	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	40	50	10	40	50	10	30,400
175	PGC	HOSE	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	30	30	-	30	30	-	18,900
176	PGD	HOSE	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	40	40	-	40	40	-	60,000
177	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	20	20	-	20	20	-	23,800
178	PGS	HNX	CTCP Kinh doanh Khí miền Nam	40	40	-	40	40	-	30,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
179	PGV	HOSE	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	20	20	-	20	20	-	-
180	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50	50	-	50	50	-	-
181	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	50	-	50	50	-	29,800
182	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
183	PNJ	HOSE	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50	50	-	50	50	-	-
184	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
185	PSD	HNX	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	20	30	10	20	30	10	27,600
186	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	50	-	50	50	-	-
187	PVI	HNX	CTCP PVI	30	30	-	30	30	-	60,000
188	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
189	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50	50	-	50	50	-	-
190	RAL	HOSE	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	40	40	-	40	40	-	200,000
191	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	50	50	-	50	50	-	-
192	S55	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 505	20	20	-	20	20	-	-
193	S99	HNX	Công ty cổ phần SCI	20	20	-	20	20	-	16,300
194	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	-
195	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	30	30	-	30	30	-	5,000
196	SAV	HOSE	Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	30	30	-	30	30	-	20,000
197	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	30	30	-	30	30	-	-
198	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50	50	-	50	50	-	21,700
199	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	30	-	30	30	-	15,000
200	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	116,000
201	SFI	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	30	30	-	30	30	-	48,200
202	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	93,600
203	SGR	HOSE	Công ty cổ phần Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn	20	20	-	20	20	-	23,000
204	SHB	HOSE	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	20,000
205	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20	20	-	20	20	-	15,000
206	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	30	30	-	30	30	-	-
207	SHS	HNX	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	-
208	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30	30	-	30	30	-	-
209	SJE	HNX	CTCP Sông Đà 11	20	20	-	20	20	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
210	SJS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	25	25	-	25	25	-	30,000
211	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	30	30	-	30	30	-	20,500
212	SLS	HNX	CTCP Mía đường Sơn La	50	50	-	50	50	-	-
213	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	40	40	-	40	40	-	50,000
214	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	20	40	20	20	40	20	35,000
215	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50	50	-	50	50	-	-
216	ST8	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển ST8	20	20	-	20	20	-	19,000
217	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	50	-	50	50	-	-
218	STG	HOSE	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	20	20	-	20	20	-	-
219	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ	35	35	-	35	35	-	-
220	SVC	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	40	40	-	40	40	-	45,000
221	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	50	-	50	50	-	-
222	TAR	HNX	CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	30	-	(30)	30	-	(30)	-
223	TBC	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	30	30	-	30	30	-	-
224	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
225	TCĐ	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	20	20	-	20	20	-	20,000
226	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	30	30	-	30	30	-	-
227	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	40	50	10	40	50	10	40,000
228	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	50	-	50	50	-	-
229	TCO	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	20	20	-	20	20	-	23,700
230	TCT	HOSE	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	20	20	-	20	20	-	38,200
231	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	50	50	-	50	50	-	-
232	TDN	HNX	CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	18,600
233	TDP	HOSE	CTCP Thuận Đức	20	20	-	20	20	-	40,000
234	TEG	HOSE	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	20	30	10	20	30	10	12,000
235	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	40	40	-	40	40	-	-
236	THT	HNX	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	28,600
237	TIG	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	20	20	-	20	20	-	17,000
238	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	20	20	-	20	20	-	38,600
239	TIX	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	20	20	-	20	20	-	40,000
240	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	50	-	50	50	-	80,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
241	TLH	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	20	20	-	20	20	-	14,000
242	TMP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	30	30	-	30	30	-	-
243	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	30	30	-	30	30	-	-
244	TNC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	20	20	-	20	20	-	70,000
245	TNG	HNX	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	30	30	-	30	30	-	-
246	TNH	HOSE	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	50	-	50	50	-	-
247	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50	50	-	50	50	-	-
248	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	40	40	-	40	40	-	-
249	TTA	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	20	20	-	20	20	-	-
250	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	50	50	-	50	50	-	45,000
251	TVD	HNX	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	22,000
252	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	20	20	-	20	20	-	26,000
253	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3	20	20	-	20	20	-	30,000
254	VC7	HNX	Công ty cổ phần Tập đoàn BGI	-	10	10	-	10	10	30,000
255	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
256	VCG	HOSE	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
257	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50	50	-	50	50	-	-
258	VCS	HNX	Công ty cổ phần VICOSTONE	50	50	-	50	50	-	-
259	VDP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	20	30	10	20	30	10	50,000
260	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	-	20	20	-	20	20	-
261	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
262	VGS	HNX	Công ty Cổ Phần Ống thép Việt Đức VGPIPE	40	40	-	40	40	-	21,200
263	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50	50	-	50	50	-	120,000
264	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	50	50	-	50	50	-	-
265	VIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
266	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	120,000
267	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	20	30	10	20	30	10	-
268	VIT	HNX	Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn	20	-	(20)	20	-	(20)	-
269	VIX	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	40	50	10	40	50	10	25,000
270	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	50	50	-	50	50	-	-
271	VNE	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	20	20	-	20	20	-	15,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
272	VNF	HNX	CTCP Vinafreight	20	-	(20)	20	-	(20)	-
273	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
274	VNS	HOSE	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	20	20	-	20	20	-	-
275	VOS	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
276	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50	50	-	50	50	-	-
277	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
278	VPG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	40	50	10	40	50	10	25,000
279	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	20	20	-	20	20	-	-
280	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50	50	-	50	50	-	-
281	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
282	VSH	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	30	30	-	30	30	-	-
283	VTO	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	30	50	20	30	50	20	-

Ghi chú:

1. Các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ khác ngoài danh sách trên được xem như tỷ lệ cho vay (tính sức mua) là 0% (hay tỷ lệ ký quỹ là 100%).
2. TCSC bảo lưu quyền thay đổi tỷ lệ cho vay/tính sức mua/tỷ lệ tính tài sản và/hoặc bất kỳ giá trị nào trong danh sách trên mà không cần phải thông báo/được sự đồng thuận của khách hàng. Việc sắp xếp hay thay đổi này có thể dẫn đến yêu cầu nộp thêm tài sản thế chấp/lệnh gọi ký quỹ đối với tài khoản khách hàng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRỊNH TẤN LỰC